

Ngày thi: 17/05/2015

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25					55	100		
1	1927252866	Nguyễn Long	An	B19KKT	8		7.8		8				7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu		
2	1926252867	Nguyễn Phan Ngọc	Anh	B19KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
3	1926252868	Nguyễn Thị Huyền	Anh	B19KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
4	1926252869	Nguyễn Thị Trâm	Anh	B19KKT	10		8		7				7.3	7.6	Bảy phẩy Sáu		
5	1926252871	Bùi Thị Kim	Ánh	B19KKT	9		7.5		7				8.3	8.0	Tám		
6	1927252875	Trương Quang	Cường	B19KKT	10		9.5		8				9.5	9.2	Chín phẩy Hai		
7	1927252877	Ngô Tấn	Dũng	B19KKT	8		8		8				9.5	8.8	Tám phẩy Tám		
8	1926252880	Tạ Thị Thu	Hằng	B19KKT	8		10		8				9	8.8	Tám phẩy Tám		
9	1927252882	Bùi Thanh	Hùng	B19KKT	10		9.5		8				9	8.9	Tám phẩy Chín		
10	1926252883	Hồ Thị Hương	Huyền	B19KKT	8		9		7				8.3	8.0	Tám		
11	1926252884	Trần Thị	Khuyên	B19KKT	8		8.8		7				9	8.4	Tám phẩy Bốn		
12	1926252885	Nguyễn Thị	Liên	B19KKT	10		9		7				9	8.6	Tám phẩy Sáu		
13	1926252886	Phạm Thị	Liễu	B19KKT	5		6		8				9	8.1	Tám phẩy Một		
14	1926252888	Nguyễn Thị Công	Ly	B19KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
15	1926252890	Phạm Thị Thảo	My	B19KKT	5		7		8				9	8.2	Tám phẩy Hai		
16	1926252891	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	B19KKT	10		9.8		8				8	8.4	Tám phẩy Bốn		
17	1927252892	Ông Văn	Quốc	B19KKT	8		9		7				7.3	7.5	Bảy phẩy Năm		
18	1927252893	Phạm Thiên	Thanh	B19KKT	6		7		8				9.3	8.4	Tám phẩy Bốn		
19	1926252895	Trần Phương	Thảo	B19KKT	10		8		7				9	8.5	Tám phẩy Năm		
20	1926252896	Trương Vũ Bích	Thảo	B19KKT	7		9.5		7				9	8.4	Tám phẩy Bốn		
21	1926252899	Trần Thị Hoài	Thương	B19KKT	7		8.8		8				8	8.0	Tám		
22	1927252900	Mai Phương	Toàn	B19KKT	0		0		8				8.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
23	1926252902	Đoàn Thị Thu	Trang	B19KKT	10		9		7				8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
24	1926252903	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	B19KKT	10		8.7		8				9	8.8	Tám phẩy Tám		
25	1926252904	Nguyễn Thị Vy	Trâm	B19KKT	10		8		7				7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
26	1926262959	Võ Thị Hoài	Trâm	B19KKT	10		8		8				6.3	7.3	Bảy phẩy Ba		
27	1927252968	Trần Quốc	Tuấn	B19KKT	6		7		8				9	8.3	Tám phẩy Ba		
28	1927252907	Lê Quang	Việt	B19KKT	10		7.5		7				8.5	8.2	Tám phẩy Hai		
29	1927252969	Đỗ Đình	Vĩnh	B19KKT	10		7		8				9	8.7	Tám phẩy Bảy		
30	1927252908	Nguyễn Viết	Vũ	B19KKT	0		0		0				HP	0.0	Không	HP	
31	1926262910	Trần Hải	Âu	B19KKT	10		8		8				9	8.8	Tám phẩy Tám		
32	1926262934	Nguyễn Thị Kim	Minh	B19KKT	5		8.5		7				8	7.5	Bảy phẩy Năm		
33	1926262954	Trần Thị	Thúy	B19KKT	10		9.5		8				9	8.9	Tám phẩy Chín		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	29	88%	
2	Số sinh viên nợ	4	12%	
TỔNG CỘNG :		33	100%	

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 05 năm 2015

LẬP BẢNG

KIỂM TRA TT ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN & B2

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Nguyễn Thị Kim Phượng

Phạm Văn Thành

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Ân